

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-KCNKKT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 01)

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 44/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền do Trưởng ban Ban

Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại Văn bản số 06/KD ngày 15 tháng 07 năm 2026 về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền, có địa chỉ tại Đường số 2, KCN Giang Điền, xã An Viễn, thành phố Đồng Nai do Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 01) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026.

Điều 2. Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này (cấp điều chỉnh lần 01).

Điều 3. Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 01) có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Đồng Nai (để b/c);
- Chủ tịch UBND thành phố Đồng Nai (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã An Viễn;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Trung tâm PVHCC thành phố Đồng Nai;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT;
- Lưu: VT, MT (NT).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương

PHỤ LỤC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 01) số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công
nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai)

1. Điều chỉnh các nội dung tại Điều 1 của giấy phép môi trường:

- Điều chỉnh thông tin chung của cơ sở tại mục 1.2, mục 1.3 Điều 1 của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026 thành:

“1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 2, KCN Giang Điền, xã An Viễn, thành phố Đồng Nai.”

“1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3603357615 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2026, do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9876303670, chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2016, chứng nhận thay đổi lần thứ tám ngày 11 tháng 3 năm 2026 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp”

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

- Điều chỉnh, bổ sung nguồn số 155, 156, 157 vào mục 1 và mục 2.1 Phần A Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026:

“1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nhà xưởng số 1

+ Nguồn số 155: Bụi thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất số 7. (tương đương với dòng khí thải số 145), công suất 30.000 m³/giờ.

Nhà xưởng số 2:

+ Nguồn số 156: Bụi thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất số 29. (tương đương với dòng khí thải số 146), công suất 18.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 157: Bụi thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất số 30. (tương đương với dòng khí thải số 147), công suất 24.000 m³/giờ.”

- Điều chỉnh bổ sung dòng khí thải số 145, 146, 147 vào mục 2.1 Phần A Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026:

“2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.

- Dòng khí thải số 145: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải của hệ thống thu gom bụi từ quá trình sản xuất số 7 (nguồn số 155), công suất thiết kế 30.000

$m^3/\text{giờ}$. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1.204.281; Y: 416.147.

- Dòng khí thải số 146: Tương ứng với 01 Ống thoát khí thải của hệ thống thu gom bụi từ quá trình sản xuất số 29 (nguồn số 156), công suất thiết kế 18.000 $m^3/\text{giờ}$. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1.204.978; Y: 416.584.

- Dòng khí thải số 147: Tương ứng với 01 Ống thoát khí thải của hệ thống thu gom bụi từ quá trình sản xuất số 30 (nguồn số 157), công suất thiết kế 24.000 $m^3/\text{giờ}$. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1.204.162; Y: 416.912.”

- Điều chỉnh nội dung mục 2.2.2 Phần A Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026 thành:

“2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_v = 1,0$, $K_p = 0,8$) và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột B cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 145, 146, 147 (*)				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	80		
II	Dòng khí thải số 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144. (**)				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	160		
3	Toluen	mg/Nm ³	750	12 tháng/lần	
4	Xylen	mg/Nm ³	870		
5	Benzen	mg/Nm ³	5		

Ghi chú:

- (*): Chủ cơ sở phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2024/BTNMT, cột B

(trong trường hợp chưa có phân vùng môi trường) kể từ ngày Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này có hiệu lực.”

- (**): Chủ cơ sở phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kv= 1,0, Kp= 0,8), QCVN 20:2009/BTNMT đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031 và QCVN 19:2024/BTNMT (cột B) từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 (trong trường hợp chưa xác định được phân vùng môi trường).”

- Điều chỉnh bổ sung mạng lưới thu gom nguồn khí thải số 155, 156, 157 vào mục 1.1 Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026:

“1.1 Mạng lưới thu gom khí thải:

- Nguồn số 155 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø400 mm và Ø500 mm bằng inox SS304 về hệ thống xử lý khí thải để xử lý. Sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải.

- Nguồn số 156 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø400 mm và Ø500 mm bằng inox SS304 về hệ thống xử lý khí thải để xử lý. Sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải

- Nguồn số 157 được thu gom bằng đường ống kích thước Ø400 mm và Ø500 mm bằng inox SS304 về hệ thống xử lý khí thải để xử lý. Sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải”.

- Điều chỉnh bổ sung hệ thống xử lý bụi, khí thải (nguồn số 155, 156, 157) vào mục 1.2 Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường:

“1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 155, 156, 157)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi gỗ → Quạt hút → Túi vải → Ống thoát khí thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được phép xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế:

+ Đối với dòng số 145: có công suất thiết kế 30.000 m³/giờ.

+ Đối với dòng số 146: có công suất thiết kế 18.000 m³/giờ.

+ Đối với dòng số 147: có công suất thiết kế 24.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.”

- Điều chỉnh bổ sung thêm 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm vào mục 2.2 Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026 thành:

“2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 Hệ thống thu gom bụi từ quá trình sản xuất xưởng 1, công suất 30.000 m³/giờ.
- 01 Hệ thống thu gom bụi từ quá trình sản xuất xưởng 2, công suất 18.000 m³/giờ.
- 01 Hệ thống thu gom bụi từ quá trình sản xuất xưởng 2, công suất 24.000 m³/giờ.”

4. Điều chỉnh nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

- Điều chỉnh bổ sung nguồn phát sinh tiếng ồn số 14, 15, 16 vào mục 1, mục 2 Phần A Phụ lục 3 của Giấy phép môi trường số 16/GPMT-KCNKKT ngày 19 tháng 01 năm 2026:

“1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 14: Từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất số 7.
- Nguồn số 15: Từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất số 29.
- Nguồn số 16: Từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất số 30.”

“2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 14: Từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất số 7. Tọa độ $X = 1.204.697$; $Y = 416.481$.
- Nguồn số 15: Từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất số 29. Tọa độ $X = 1.204.218$; $Y = 416.484$.
- Nguồn số 16: Từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất số 30. Tọa độ $X = 1.204.489$; $Y = 416.859$.”

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45$, múi chiều 3°)”

5. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh

Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**